TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/KDTM-PT
Ngày: 17-01-2022
V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Dương.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Hồng Luyến;

Ông Trần Vĩnh Yên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Du – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2021/TLPT-KDTM ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc"Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 27/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Y3 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐ-PT ngày 03/11/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 36/TB-TA ngày 17/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐ-PT ngày 10/01/2022, Thông báo dời thời gian mở phiên tòa số 28/TB-TA ngày 13/01/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty I .

Địa chỉ: Khu công nghiệp N1, X1, huyện Y1, tỉnh Đồng Nai.

Địa diện theo pháp luật: Ông P – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông V1 – Chức vụ: Phó Giám đốc.

(Theo giấy ủy quyền số 02/UQ-CT ngày 27/02/2019)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư H1 – Văn phòng luật sư H1 thuộc đoàn luật sư TP. Hồ Chí Minh.

2 Bị đơn: Tổng Công ty cổ phần B1.

Địa chỉ: X2, quận Y2, TP. Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông A – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông H2 – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc. (Theo quyết định ủy quyền số 0269/QĐ-QLRR ngày 15/02/2019).

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông H3 – Chức vụ: Giám đốc Công ty B2. (Theo giấy ủy quyền 0340/UQ-QLRR ngày 25/02/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư T– Văn phòng luật sư V2 thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty B2.

Địa chỉ: X3, TP. Y3, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông H3 – Chức vụ: Giám đốc.

(Ông V1, ông H3, luật sư H1và luật sư Tcó mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Nguyên đơn do ông V1đại diện trình bày:

Công ty I là đơn vị đầu tư, xây dựng, quản lý Trạm điện 110/22KV, Khu công nghiệp N1 và Trạm điện 110/22KV Khu công nghiệp N5 tại huyện Y1, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 02/12/2016, Công ty I và Công ty B2, địa chỉ: X3, TP. Y3, tỉnh Đồng Nai (Chi nhánh của Tổng công ty Cổ phần B1) ký Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản (bao gồm cháy, nổ bắt buộc) số 09163833 để bảo hiểm cho các tài sản của Công ty I , cụ thể như sau:

- Đối tượng được bảo hiểm:

o Địa điểm 1: Trạm điện 110/22KV, Khu công nghiệp N1, huyện Y1, tỉnh Đồng Nai.

TT	Máy móc thiết bị	Số tiền bảo hiểm (Đồng)
1	Máy biến áp 40MVA	16.552.175.519
2	Máy biến áp 63MVA-1	18.420.962.096
3	Máy biến áp 63MVA-T6	23.275.533.456
4	Máy biến áp 16MVA	5.701.730.560
	Tổng cộng (địa điểm 1)	63.950.401.631

o Địa điểm 2**:** Trạm điện 110/22KV, Khu công nghiệp N5, huyện Y1, tỉnh Đồng Nai.

TT	Máy móc thiết bị	Số tiền bảo hiểm (Đồng)
1	Máy biến áp 63MVA-NT5	33.704.301.684
2	Máy biến áp 63MVA-T6	28.027.636.295
	Tổng cộng (địa điểm 2)	61.731.937.979

o Tổng cộng (địa điểm 1 và địa điểm 2): 125.682.339.610 đồng

- Thời hạn bảo hiểm 01 năm, từ 09 giờ ngày 09/12/2016 đến 09 giờ ngày 09/12/2017

- Tổng phí bảo hiểm chúng tôi phải đóng: 103.687.930 đồng.

Ngày 02/12/2016, Công ty B2 đã phát hành Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc số 09163833 để bảo hiểm cho các tài sản của Công ty I nêu trên với tổng giá trị tài sản được bảo hiểm là 125.682.339.610 đồng.

Ngày 20/12/2016, Công ty I đã thực hiện chuyển khoản bằng Ủy nhiệm chi số NH 5710 để thanh toán cho Công ty B2 toàn bộ phí bảo hiểm với số tiền 103.687.930 đồng theo Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản (bao gồm cháy, nổ bắt buộc) số 09163833 ngày 02/12/2016. Công ty B2 đã phát hành Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001656 ngày 12/12/2016 về việc thu phí bảo hiểm mọi rủi ro tài sản của Công ty I .

Ngày 15/11/2017, Trạm biến áp 110/22KV tại Khu công nghiệp N1, huyện Y1, tỉnh Đồng Nai của Công ty I xảy ra sự cố cháy nổ tại hệ thống máy biến áp 63MVA-1 (3T) và gây hư hỏng hệ thống máy biến áp 3T, là tài sản thuộc đối tượng được bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản (bao gồm cháy, nổ bắt buộc) số 09163833 ngày 02/12/2016 giữa Công ty I và Công ty B2. Giá trị thiệt hại thực tế của hệ thống máy biến áp 3T là 21.408.534.651 đồng, cụ thể như sau:

TT	Hạng mục tài sản	Số lượng	Đơn vị tính	Giá trị trước thuế (đồng)
1	Máy biến áp 63MVA-1 (3T)	1	Máy	16.300.000.000
2	Tủ điều khiển MBA	1	Tủ	347.696.285
3	Tủ biến điện áp (PT)	1	Tủ	391.520.540
4	Tủ máy cắt tổng 2.500A-22kV	1	Tủ	648.976.415
5	Tủ máy cắt lộ ra 1.250A-22kV	1	Tủ	459.895.715
6	Vật tư khác: Cáp và đầu cáp 500mm2; cáp nhị thứ và phụ kiện; nhân công kéo và làm đầu cáp; …	1	Hệ thống	712.574.448
7	Chi phí khác			
7.1	Chi phí thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị	1	Hệ thống	473.441.140
7.2	Chi phí tính toán trị số cài đặt rơ le	1	Hệ thống	128.199.685
Tổng cộng giá trị trước thuế				19.462.304.228
Thuế VAT 10%				1.946.230.423
Tổng cộng giá trị sau thuế				21.408.534.651

Ngày 06/6/2018, Công ty I gửi đến Công ty B2 văn bản yêu cầu bồi thường số 212/CT-KHĐT đính kèm hồ sơ có liên quan, yêu cầu Công ty B2 bồi

thường tổn thất hệ thống máy biến áp 63MVA (3T) với số tiền 18.420.962.096 đồng.

Phân viện Khoa học hình sự tại Tp. Hồ Chí Minh có Văn bản số 209/CV/C54B ký ngày 20/6/2018 giải thích nguyên nhân tổn thất máy biến áp 3T: "Sự cố ngắn mạch là nguyên nhân gây ra cháy nổ máy cắt 485, máy cắt 485 bị cháy là nguyên nhân gây ra thiệt hại tiếp theo là hư hỏng máy biến áp 3T. Do đó, tổn thất của máy biến áp 3T là tổn thất xảy ra sau tổn thất hư hỏng máy cắt 485, có nguyên nhân do cháy nổ máy cắt 485 gây ra".

Bên cạnh đó vào ngày 11/7/2019, Phân viện Khoa học hình sự tại TP. Hồ Chí Minh có Văn bản số 139/CV/C09B giám định chi tiết nguyên nhân tổn thất, hư hỏng máy biến áp ABB - 63MVA (3T) tại trạm điện 110/22KV, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, huyện Y1, tỉnh Đồng Nai do cháy, nổ gây ra.

Trên cơ sở đó, Công ty I đã nhiều lần gửi các công văn đến Công ty B2 và tổ chức cuộc họp với Công ty B2 để yêu cầu Công ty B2 thực hiện bảo hiểm, bồi thường các tổn thất tài sản liên quan đến sự cố cháy nổ hệ thống máy biến áp 3T của Công ty I theo Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản (bao gồm cháy, nổ bắt buộc) số 09163833 ngày 02/12/2016 giữa Công ty I và Công ty B2.

Tuy nhiên, Công ty B2 đã liên tục từ chối thực hiện bảo hiểm, bồi thường các tổn thất tài sản liên quan đến sự cố cháy nổ tại máy biến áp 3T của Công ty I đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của Công ty I .

Ngày 01/10/2018, Công ty B2 có công văn số 117/CV-GĐBT gửi đến Công ty I có nội dung:

"B1 Miền Đông nhận thấy tổn thất MBA ABB/63MVA/110/22kV (3T) của Trạm điện Tuy Hạ 110/22kV nêu trên không thuộc trách nhiệm bảo hiểm. Tổn thất các hạng mục tủ cắt trung thế 22kV số 485-22kV và hai tủ sát vách là tủ 483 và TU43 có thể xem xét là tổn thấy gây bởi cháy và có thể xem xét thuộc phạm vi bảo hiểm".

Ngoài ra, Công ty B2 nêu thông tin ước tính giá trị bảo hiểm cho các hạng mục: Hạng mục Máy biến áp ABB /63MVA là 2.626.111.111 đồng; hạng mục tủ máy cắt 485-22kV và tủ đo đếm TU 43-3 là 137.171.619 đồng. Giá trị bảo hiểm ước tính do Công ty B2 nêu ra là không phù hợp với Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản (bao gồm cháy, nổ bắt buộc) số 09163833 ngày 02/12/2016 và quá thấp so với thiệt hại thực tế của Công ty I . Theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 17 Luật Kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm kịp thời cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Vì vậy, để bảo về quyền lợi hợp pháp theo đúng quy định pháp luật, Công ty I lập các thủ tục khởi kiện Công ty B2 theo quy định. Tuy nhiên Công ty B2 có địa chỉ tại X3, Tp. Y3, tỉnh Đồng Nai là Chi nhánh của Tổn g công ty Cổ phần B1 có địa chỉ tại X2, quận Y2, TP. Hà Nội. Căn cứ Điều 40 khoản 1 mục b Bộ luật tố tụng dân sự , Công ty I yêu cầu (lựa chọn) Tòa án TP. Y3 giải quyết vụ kiện tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản (bao gồm cháy, nổ bắt buộc) số 09163833 ngày 02/12/2016 giữa người kh ởi kiện là Công ty I với người bị kiện là Tổng công ty Cổ phần B1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty B2 (Chi nhánh của Tổng công ty Cổ phần B1)

Từ các lý do trên, Công ty I khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Tổng công ty Cổ phần B1 phải thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm, bồi thường cho Công ty I về các tổn thất tài sản liên quan đến sự cố cháy nổ hệ thống máy biến áp 63MVA-1 (3T) theo Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản (bao gồm cháy, nổ bắt buộc) số 09163833 ký kết ngày 02/12/2016 với số tiền là 18.420.962.096 đồng.

Tại phiên tòa căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá số1817/TĐG-CT ngày 09/7/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai xác định giá trị hệ thống Máy biến áp 63MVA trước thời điểm xảy ra thiệt hại (tại mục 5.1) chất lượng tài sản bị tổn thất còn lại là 48%. Do vậy nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Tổng công ty Cổ phần B1 phải thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm, bồi thường với số tiền12.040.500.000đ cho Công ty I nhưng khấu trừ số tiền 50.000.000 VNĐ/vụ tổn thất *"Mức khấu trừ trong trường hợp có tổn thất xảy ra"* theo Điều 5 của Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản (bao gồm cháy, nổ bắt buộc) số 09163833 ký kết ngày 02/12/2016.

Về chi phí tố tụng mà phía nguyên đơn đã thanh toán để giải quyết vụ án thì đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra nguyên đơn không có ý kiến, trình bày nào khác.

* Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do ông H3 đại diện trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc ký kết Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản (bao gồm cháy, nổ bắt buộc) số 09163833 ngày 02/12/2016 để bảo hiểm cho các tài sản của Công ty I .

1. Về tài sản được bảo hiểm tổn thất:

Theo "Đơn yêu cầu bảo hiểm và danh mục tài sản đính kèm" của Công ty I thì tài sản mà Công ty I yêu cầu bảo hiểm là:

- Địa điểm 1: Trạm điện 110/22KV, Khu công nghiệp N1, huyện Y1, tỉnh Đồng Nai.

ĐVT: đồng

TT	Máy móc thiết bị	Số tiền bảo hiểm (Đồng)
1	Máy biến áp 40MVA	16.552.175.519
2	Máy biến áp 63MVA-1	18.420.962.096
3	Máy biến áp 63MVA-T6	23.275.533.456
4	Máy biến áp 16MVA	5.701.730.560
Tổng cộng (địa điểm 1)		63.950.401.631

Theo "Hợp đồng bảo hiểm" mà B1 và IDCO đã ký, tại mục 2.1.1 Điều 2: Đối tượng được bảo hiểm thì tài sản được bảo hiểm là:

2.1. Đối tượng được bảo hiểm: Bên B nhận bảo hiểm cho các tài sản sau của bên A, bao gồm:

2.1.1. Địa điểm 1: Trậm điện 110/22KV, Khu công nghiệp N1, huyện Y1, tỉnh Đồng Nai.

ĐVT: đồng

TT	Máy móc thiết bị	Số tiền bảo hiểm
1	Máy biến áp 40MVA	16.552.175.519
2	Máy biến áp 63MVA-1	18.420.962.096
3	Máy biến áp 63MVA-T6	23.275.533.456
4	Máy biến áp 16MVA	5.701.730.560
Tổng cộng (địa điểm 1)		63.950.401.631

Theo thông tin mà I khai báo và hồ sơ vụ án thể hiện có nhiều tài sản của I tại trạm điện 110/22KV, KCN N1, huyện Y1, tỉnh Đồng Nai bị tổn thất, trong đó có Máy biến áp 63MVA-1.

Như vậy, có rất nhiều tài sản bị thiệt hại trong vụ tai nạn nhưng chỉ có Máy biến áp 63MVA-1 là tài sản được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm.

2. Về giá trị tài sản bị tổn thất được bảo hiểm:

Theo "Đơn yêu cầu bảo hiểm và danh mục tài sản đính kèm của I", B1 đã cấp đơn bảo hiểm cho Máy biến áp 63MVA-1 với giá 18.420.962.096 đồng (cấp đơn bảo hiểm theo khai báo của khách hàng). Tuy nhiên, theo "Hồ sơ quyết toán vốn đầu tư" công trình cải tạo nâng công suất TBA 110/22KV Tuy Hạ A và hệ thống lưới điện phân phối 22KV-KCN N1, Đồng Nai – (tập ¼) – (Giá trị vốn đầu tư hoàn thành) – tháng 8 năm 2007 do I cung cấp: Tại trang 9 bảng "Tình hình thanh toán và công nợ của dự án" ký duyệt ngày 03/8/2007 thì giá Máy biến áp như sau:

STT	Tên đơn vị thực hiện	Nội dung hợp đồng	Giá trị thực hiện
1	Công ty TNHH ABB	Cung cấp máy biến áp 63MVA và các vật tư kèm theo	
	USD		641.209
	VND		455.295.000
2	Công ty TNHH HT Công nghiệp LS-VINA	Tủ điều khiển máy biến áp 63, 40MVA, cung cấp vật tư thiết bị đấu nối	
	USD		347.311,44
	VNĐ		

Quy đổi tỷ giá vào ngày quyết toán 03/7/2007 (ROE USD/VNĐ: 16.156)

+ Giá trị máy biến áp 63MVA là 10.814.667.604 đồng;

+ Giá trị Tủ điều khiển máy biến áp 63MVA là 5.611.163.624 đồng.

Như vậy, giá trị thực tế của Máy biến áp 63MVA-1 là 10.814.667.604 đồng.

(Đây là trường hợp mua bảo hiểm trên giá trị. Trường hợp này được giải quyết theo quy định tại điều 42 Văn bản hợp nhất luật Kinh doanh bảo hiểm số 06/VBHN-VPQH ngày 25/6/2019 của Văn phòng Quốc hội)

3. Về chất lượng còn lại của tài sản tham gia bảo hiểm bị tổn thất:

Tại mục 5.1 chứng thư thẩm định giá số 1817/TĐG-CT ngày 09/7/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai thì chất lượng còn lại của Máy biến áp 63MVA-1 là 48%.

4. Về số tiền tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm (nếu có):

+ Tài sản được bảo hiểm bị tổn thất: Máy biến áp 63MVA-1

+ Giá trị tài sản bị tổn thất được bảo hiểm: 10.814.667.604 đồng.

+ Chất lượng tài sản tham gia bảo hiểm còn lại bị tổn thất: 48%

Số tiền tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm (nếu có) là: 10.814.667.604 đồng x 48% = 5.191.040.000 đồng.

5. Mức khấu trừ theo đơn bảo hiểm:

Điều 5 của hợp đồng bảo hiểm quy định về mức khấu trừ như sau:

"Điều 5: Mức khấu trừ

Mức khấu trừ là khoản tiền bên A tự gánh chịu trong trường hợp có tổn thất xảy ra. Mức khấu trừ trong hợp đồng bảo hiểm này được áp dụng như sau : 50.000.000 VMĐ/vụ tổn thất"

Nghĩa là người thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm theo đơn bảo hiểm này chỉ được nhận tối đa số tiền tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm (nếu có) – 50.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền bồi thường cho tổn thất này thuộc phạm vi bảo hiểm (nếu có) là: 5.191.040.000đ – 50.000.000đ = 5.151.040.000 đồng.

6. Về quyền thu hồi tài sản bị thiệt hại nếu B1 phải bồi thường:

Khoản 3 Điều 47 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định.

"Điều 47. Hình thưc bồi thường

1 .....

3. Trong trường hợp bồi thường theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này, doanh nghiệp bảo hiểm có quyền thu hồi tài sản bị thiệt hại sau khi đã thay thế hoặc bồi thường toàn bộ theo giá thị trường của tài sản".

Như vậy, nếu tổn thất nêu trên thuộc phạm vi bảo hiểm và Tòa án tuyên buộc B1 phải trả tiền bồi thường cho I thì B1 có quyền thu hồi tài sản bị thiệt hại sau khi đã bồi thường toàn bộ.

7. Về chứng thư thẩm định giá số 1817/TĐG-CT ngày 09/7/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai:

Chúng tôi vẫn bảo lưu quan điểm tại thông báo số 083/CVTBTGĐĐL ngày 18/9/2019 đồng thời bổ sung ý kiến như sau:

Kết quả thẩm định giá theo chứng thư xác định:

"+ Tổng giá trị tà i sản được thẩm định trước khi xảy ra thiệt hại là 12.040.500.000đ.

+ Tổng chi phí sửa chữa/thay mới là 14.415.500.000đ".

Đây là giá trị toàn bộ các tài sản của IDCO bị tổn thất (bao gồm cả tài sản được bảo hiểm (Máy biến áp 63MVA 110KV) và các tài sản khác không được I yêu cầu cấp bảo hiểm).

Tại mục 5-5.1-1 Phụ lục kèm theo chứng thu thẩm định giá ghi đơn giá của Máy biến áp 63MVA 110KV và Tủ điều khiển máy biến áp là 20.328.000.000 đồng. Tuy nhiên, như đã nêu tại mục 1, 2 ở trên: Theo yêu cầu của I thì B1 chỉ cấp bảo hiểm cho Máy biến áp 63MVA với số tiền tham gia bảo hiểm được xác định là 10.814.667.604 đồng. B1 không cấp bảo hiểm cho Tủ điều khiển máy bi ến ápvà số tiền mua bảo hiểm không phải là 20.328.000.000 đồng.

8. Về kết luận nguyên nhân tổn thất Máy biến áp 63MVA 110KV của Phân Viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Các kết luận và công văn của Phân Viện KHHS tại TP. Hồ Chí Minh – Viện Khoa học hình sự xác định nguyên nhân tổn thất máy biến áp:

+ Kết luận giám định số 160/1/C54B(DV) ngày 21/12/2017: Dòng ngắt mạch phía thứ cấp có cường độ rất lớn duy trì trong thời gian dà i tạo nhiệt độ rất cao và lục điện động cực mạnh tác động gấy hư hỏng máy biến áp ABB-63MVA-110/22/11KV (3T).

+ Công văn số 209/CV/C54B ngày 20/6/2018: Tổn thất của máy biến áp 3T là tổn thất xảy ra sau tổn thất hư hỏng má y cắt 485 có nguyên nhân do sự cố cháy nổ máy cắt 485 gây ra.

+ Công văn số 139/CV/C09B ngày 11/7/2019: Dòng ngắt mạch phía thứ cấp có cường độ rất lớn duy trì trong thời gian dài tạo nhiệt độ rất cao và lực điện động cực mạnh tác động gây nổ máy biến áp ABB-63MVA-110/22/11KV (3T).

Như vậy , nguyên nhân tổn thất của máy biến áp ABB-63MVA-110/22/11KV (3T) là do : "Dòng ngắt mạch phía thứ cấp có cường độ rất lớn duy trì trong thời gian dài tạo nhiệ t độ rất cao và lực điện động cực mạnh tác động gây hư hỏng (nổ) máy biến áp ABB-63MVA-110/22/11KV (3T)".

Căn cứ khoản 1 Điều 16 Văn bản hợp nhất luật Kinh doanh bảo hiểm số 06/VBHN-VPQH ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Văn phòng Q uốc hội.

"Điều 16. Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

1. Điều khoản lại trừ trách nhiệm bảo hiểm quy định trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm không phải bồi thường hoặc không phải trả tiền bảo hiểm khi xẩy ra sự kiện bảo hiểm"

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 16 thông tư số 220/2010/TT-BTC ngày 30/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ bảo hiểm cháy , nổ bắt buộc.

"Điều 16. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm không có nghĩa vụ bồi thường nếu thiệt hại do một trong những nguyên nhân sau đây gây ra:

a)….

e) Thiệt hại xảy ra đối với máy móc , thiết bị điện hay các bộ phận của thiết bị điện do chạy quá tải , quá áp lực , đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện hay rò điện do bất kỳ nguyên nhân nào, kể cả do sét đánh."

- Căn cứ điểm c (v) Điều 1 Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản ban hành kèm quyết định số 3291/QĐ-TSKT ngày 01/12/2010 của B1.

" Các điểm loại trừ:

Đơn bảo hiểm này sẽ không bảo hiểm cho:

1. Thiệt hại đối với tài sản được bảo hiểm gây ra bởi:

c (v)hư hỏng và trục trặc về cơ hoặc điện của máy móc hoặc thiết bị".

- Căn cứ điều khoản thiết bị điện 4B là đi ều khoản sửa đổi bổ sung ban hành kèm theo hợp đồng bảo hiểm số 09163833 ký kết giữa I và B1.

"1. Điều khoản thiết bị điện 4B

Tổn thất hay thiệt hai do hỏa hoạn gây ra đối với các thiết bị và hệ thống điện được bảo hiểm theo đơn này phát sinh từ hay gây ra bởi quá tải , áp suất quá mức quy định , đoản mạch , chập mạch , tự tỏa nhiệt , hay hở điện do bất kỳ

nguyên nhân gì (kể cả sét) đều được bảo hiểm theo các điều kiện và điều khoản của đơn này, nhưng các bên cũng nhất trí rằng B1 sẽ không bồi thường cho tổn thất hay thiệt hại đối với các máy điện , dụng cụ điện, các lắp ghép điện gắn cố định hay bất kỳ bộ phận nào của hệ thống điện trừ khi gây ra bởi cháy hoặc sét"

Xét nguyên nhân tổn thất "Theo kết luận của Phân Viện KHHS tại TP . Hồ Chí Minh – Viện Khoa học hình sự" và căn cứ các điểm loại trừ đã nêu ở trên thì tổn thất Máy biến áp ABB -63MVA-110/22/11KV (3T) không thuộc phạm vi bảo hiểm theo đơn bảo hiểm số 09163833. Do đó đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về chi phí tố tụng mà phía nguyên đơn đã thanh toán để giải quyết vụ án thì đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Quan điểm của luật sư H1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản (bao gồm cháy, nổ bắt buộc) số 09163833 ngày 02/12/2016, ký kết giữ Công ty I và Công ty B2 (Chi nhánh của Tổng công ty Cổ phần B1) để bảo hiểm cho các tài sản của Công ty I trong đó có hệ thống Máy biến áp 63MVA – 1 tại địa điểm 1: Trạm điện 110/22KV, KCN N 1, huyện Y1, tỉnh Đồng Nai với số tiền bảo hiểm là 18.420.962.096đ. Hợp đồng Bảo hiểm trên được giao kết với nhau một cách tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Thời hạn bảo hiểm 01 năm (từ 09 giờ ngày 09/12/2016 đến 09 giờ ngày 09/12/2017). Tổng phí bảo hiểm phải đóng là 103.687.930 đồng. Thực hiện hợp đồng, vào ngày 20/12/2016, Công ty I đã thanh toán bảo phí với số tiền 103.687.930 đồng và Công ty B2 đã phát hành Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001656 ngày 12/12/2016 về việc thu phí bảo h iểm mọi rủi ro tài sản của Công ty Ivà Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy nổ bắt buộc.Như vậy hợp đồng bảo hiểm số 09163833 ngày 02/12/2016đã phát sinh hiệu lực. Sự kiện bảo hiểm xảy ra vào ngày 15/11/2017 (nằm trong thời hạn được bảo hiểm – có hiệu lực đến 09 giờ ngày 09/12/2017), cháy nổ dẫn đến thiệt hại hư hỏng hệ thống máy biến áp 63MVA-1 (3T) là tài sản thuộc đối tượng được bảo hiểm.Do đó, bên bảo hiểm phải có trách nhiệm thanh toán, bồi thường theo khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản (bao gồm cháy, nổ bắt buộc) số 09163833 ngày 02/12/2016. Phía bị đơn cho rằng tài sản được bảo hiểm chỉ là Máy biến áp 63MVA-1 (không bao gồm các phụ kiện, thiết bị kèm theo) và căn cứ vào các điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm cho rằng Máy biến áp 63MVA-1 không thuộc phạm vi bảo hiểm…là hoàn toàn không có cơ sở và không đúng với các quy định của pháp luật. Bởi lẽ: Tại mục 2.1.1 Điều 2 của Hợp đồng bảo hiểm hai bên đã thống nhất giá trị tài sản bảo hiểm là 18.420.962.096 đồng, nội dung thỏa thuận này phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Luật kinh doanh bảo hiểm. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ

sơ vụ án cũng thể hiện nguyên đơn đã cung cấp các chứng từ chứng minh tài sản được bảo hiểm là hệ thống Máy biến áp 63MVA-1 (gồm có các phụ kiện, thiết bị kèm theo) có giá trị là 18.420.962.096đ. Hơn nữa Máy biến áp 63MVA-1 không thể tự nó mà hoạt động được, do đó khi mua bảo hiểm thì chắc chắn phải mua những gì làm điều kiện để cho nó hoạt động. Theo qui định của Điều 114 của Bộ luật Dân sự thì Máy biến áp 63MVA-1 và các phụ kiện, máy móc kèm theo là vật đồng bộ không thể tách rời. Nếu như phía nguyên đơn không mua bảo hiểm cho cả hệ thống Máy biến áp 63MVA-1 (gồm có các phụ kiện, thiết bị kèm theo) thì trong Hợp đồng bảo hiểm không thể nào thể hiện số tiền bảo hiểm là 18.420.962.096đ. Việc mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc này phía nguyên đơn đã giao kết hợp đồng với phía bị đơn từ nhiều năm nay (từ năm 2013 cho đến nay).

Từ những phân tích, đánh giá trên, nguyên đơn xác định sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời gian được bảo hiểm; tài sản bị thiệt hại là tài sản được mua bảo hiểm và người mua bảo hiểm đã đóng bảo phí đầy đủ. Căn cứ vào Điều 16 của Luật kinh doanh Bảo hiểm quy định về các trường hợp loại trừ trách nhiệm Bảo hiểm và theo các kết luận của Phân Viện khoa học hình sự thì nguyên đơn xác định hoàn toàn không thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm như phía bị đơn đã trình bày. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán bảo hiểm là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn căn cứ vào chứng thư thẩm định giá số 1817/TĐG-CT ngày 09/7/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai xác định giá trị hệ thống Máy biến áp 63MVA trước thời điểm xảy ra thiệt hại (tại mục 5.1) chất lượng tài sản bị tổn thất còn lại là 48%. Việc Tòa án tiến hành thẩm định giá trị tài sản tranh chấp là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm, bồi thường với **số tiền12.040.500.000đ**(đây là thiệt hại thực tế) là hoàn toàn phù hợp. Trên cơ sở đó đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Quan điểm của luật sư Tlà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn : Tài sản được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm số 09163833 ký kết ngày 02/12/2016 là Máy biến áp 63MVA-1 (tại địa điểm 1 – Trạm điện 110/22KV, Khu công nghiệp N1, huyện Y1 tỉnh Đồng Nai) với giá trị 18.420.962.096 đồng. Thực tế giá trị của Máy biến áp 63MVA-1 là 10.814.667.604đ (theo *"Hồ sơ quyết toán vốn đầu tư" công trình cải tạo nâng công suất TBA 110/22KV Tuy Hạ A và hệ thống lưới điện phân phối 22KV-KCN N1, Đồng Nai – (tập ¼) – (Giá trị vốn đầu tư hoàn thành) – tháng 8 năm 2007 do I cung cấp:* Tại trang 9 bảng "Tình hình thanh toán và công nợ của dự án" ký duyệt ngày 03/8/2007). Sở dĩ trong hợp đồng bảo hiểm thể hiện giá trị tài sản được bảo hiểm (là Máy biến áp 63MVA-1) có giá trị 18.420.962.096 (giá trị này

bao gồm Máy biến áp 63MVA-1 và tất cả các thiết bị kèm theo) là cấp đơn bảo hiểm theo khai báo của khách hàng. Xét nguyên nhân tổn thất của máy biến áp 63MVA-1 (3T) là do: *"Dòng ngắt mạch phía thứ cấp có cường độ rất lớn duy trì trong thời gian dài tạo nhiệt độ rất cao và lực điện động cực mạnh tác động gây hư hỏng (nổ) máy biến áp ABB-63MVA-110/22/11KV (3T)"* (theo kết luận của Phân Viện KHHS tại TP . Hồ Chí Minh – Viện Khoa học hình sự). Căn cứ các điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm (theo khoản 1 Điều 16 Văn bản hợp nhất luật Kinh doanh bảo hiểm số 06/VBHN-VPQH ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Văn phòng Quốc hội ; điểm c khoản 1 Điều 16 thông tư số 220/2010/TT-BTC ngày 30/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ bảo hiểm cháy , nổ bắt buộc; điểm c (v) Điều 1 Quy tắc bảo hiểm mọi rủ i ro tài sản ban hành kèm quyết định số 3291/QĐ-TSKT ngày 01/12/2010 của B1 và điều khoản thiết bị điện 4B là điều khoản sửa đổi bổ sung ban hành kèm theo hợp đồng bảo hiểm số 09163833 ký kết giữa I và B1) thì tổn thất Má y biến áp 63MVA-1 (3T) không thuộc phạm vi bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm số 09163833 ký kết ngày 02/12/2016. Do đó đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, phía bị đơn cũng nêu ra quan điểm về tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm (nếu có): **10.814.667.604 đồng** (Giá trị tài sản bị tổn thất được bảo hiểm là Máy biến áp 63MVA-1) x **48%** (Chất lượng tài sản tham gia bảo hiểm còn lại bị tổn thất) - **50.000.000 đồng** (Mức khấu trừ nếu có tổn thất xảy ra theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng Bảo hiểm) = **5.151.040.000 đồng**. Nếu tổn thất nêu trên thuộc phạm vi bảo hiểm và Tòa án tuyên buộc B1 phải trả tiền bồi thường cho I thì B1 có quyền thu hồi tài sản bị thiệt hại sau khi đã bồi thường toàn bộ theo quy định tại khoản 3 Điều 47 Luật kinh doanh bảo hiểm.

Tại phiên tòa nguyên đơn căn cứ vào chứng thư thẩm định giá số 1817/TĐG-CT ngày 09/7/2020 của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai xác định giá trị hệ thống Máy biến áp 63MVA trước thời điểm xảy ra thiệt hại (tại mục 5.1) chất lượng tài sản bị tổn thất còn lại là 48%. Do vậy nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm, bồi thường với **số tiền12.040.500.000đ**là không có căn cứ. Bởi lẽ; Đây là giá trị toàn bộ các tài sản của nguyên đơn bị tổn thất (bao gồm cả tài sản được bảo hiểm là Máy biến áp 63MVA - 1 và các tài sản khác không được cấp bảo hiểm). Tại mục 5-5.1-1 Phụ lục kèm theo chứng thu thẩm định giá ghi đơn giá của Máy biến áp 63MVA - 1 và Tủ điều khiển máy biến áp là 20.328.000.000 đồng. Tuy nhiên, như đã đã trình bày thì theo yêu cầu của I thì B1 chỉ cấp bảo hiểm cho Máy biến áp 63MVA với số tiền tham gia bảo hiểm được xác định là 10.814.667.604 đồng. B1 không cấp bảo hiểm cho Tủ điều khiển máy biến ápvà số tiền mua bảo hiểm không phải là 20.328.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2021/KDTM – ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Y3, tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Áp dụng các Điều 114, 357 và 468Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 13, 14, 29, 30, 46 và 47 Luật kinh doanh bảo hiểm;

Áp dụng Điều 26, Điều 30; 35, Điều 40, Điều 147, Điều 203, khoản 1 Điều 207,Điều 220, Điều 227, Điều 266 và Điều 273Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty I .Buộc Tổng công ty Cổ phần B1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền **8.792.061.806đ (Tám tỷ, bảy trăm chín mươi hai triệu, không trăm sáu mươi mốt nghìn, tám trăm lẻ sáu đồng)** bảo hiểm cháy nổ cho Công ty I .

- Không chấp nhận đối với yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm với số tiền **3.248.438.194đ** (Ba tỷ, hai trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, một trăm chín mươi bốn đồng) của Công ty I

- Đình chỉ đ ối với yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm với số tiền **6.380.462.096đ** (Sáu tỷ, ba trăm tám mươi triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng)của Công ty I .

- Về chi phí tố tụng: Buộc Tổng công ty Cổ phần B1 phải thanh toán số tiền **260.000.000đ** (Hai trăm sau mươi triệu đồng) cho Công ty I .

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Công ty I có trách nhiệm trả lại toàn bộ tài sản bị thiệt hại là Máy biến áp 63MVA-1 cùng các phụ kiện, thiết bị kèm theo cho Tổng công ty Cổ phần B1 ngay sau khi đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền bảo hiểm nói trên.

- Về án phí KDTM-ST:

+ Tổng công ty Cổ phần B1chịu án phí KDTM-ST là 116.792.062đ (Một trăm mười sáu triệu , bảy trăm chín mươi hai nghìn , không trăm sáu mươi hai đồng).

+ Công ty I phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 96.968.764đ (Chín mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi bốn đồng), được trừ vào số tiền 63.201.481đ (Sáu mươi ba triệu, hai trăm lẻ một nghìn, bốn trăm tám mươi mốt đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003903 ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y3.Công ty I còn phải nộp số tiền án phí là 33.767.283đ (Ba mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/10/2020 bị đơn kháng cáo cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày tại phiên tòa phúc thẩm:

Về kháng cáo của nguyên đơn đã quá hạn do đó đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Về nội dung: Giá trị tài sản tham gia bảo hiểm là 16.425.831.228 (mười sáu tỉ bốn trăm hai mươi lăm triệu tám trắm ba mươi mốt nghìn hai trăm hai mươi tám) đồng theo danh mục Công ty I cung cấp. Về nguyên nhân tổn thất không thuộc phạm vi bảo hiểm do dòng ngắt mạch phía thứ cấp có cường độ rất lớn duy trì trong thời gian dài tạo nhiệt độ rất cao và lực điện động cực mạnh tác động gây hư hỏng máy biến áp 3T. Do đó, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày tại phiên tòa phúc thẩm:

Về nội dung: Tại phiên toà phúc thẩm bị đơn xác định rõ yêu cầu kháng cáo là đối tượng có thuộc phạm vi bảo hiểm hay không và số tiền bảo hiểm là bao nhiêu. Theo quan điểm của tôi sự kiện bảo hiểm đã được ghi rõ trong hợp đồng bảo hiểm giữa hai bên và sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời hạn bảo hiểm vì thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm đến 09 giờ ngày 09/12/2017 mà sự kiện xảy ra bảo hiểm là ngày 15/11/2017. Nguyên nhân xảy ra sự kiện bảo hiểm đã được hai bên thống nhất và theo kết luận giám định đó là nguyên nhân khách quan như vậy chúng tôi xác định đây là sự kiện bảo hiểm nằm trong phạm vi bảo hiểm được thoả thuận giữa hai bên theo giấy chứng nhận bảo hiểm cháy nổ và hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản, bên Công ty I đã thực hiện các nghĩa vụ đầy đủ. Như vậy, tôi cho rằng bên Công ty I hoàn toàn không vi phạm nghĩa vụ. Về số tiền bảo hiểm là bao nhiêu thì theo điều 56 của luật kinh doanh bảo hiểm là số tiền doanh nghiệp bảo hiểm phải trả cho người được bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra. Như vậy, bị đơn yêu cầu làm rõ số tiền bảo hiểm là bao nhiêu lại cho rằng bản án sơ thẩm số tiền như vậy là không đúng và kháng cáo là không có cơ sở. Theo điều 46 của luật kinh doanh bảo hiểm đã quy định số tiền bồi thường mà doanh nghiệp bảo hiểm phải trả cho người được bảo hiểm được xác định trên cơ sở giá thị trường của tài sản bảo hiểm tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm, trừ trường hợp có thoả thuận khác. Như vậy, trong trường hợp này hai bên không có thoả thuận khác và tại phiên toà phúc thẩm và sơ thẩm hai bên đã thống nhất thẩm định giá của công ty thẩm định giá Đồng Nai và Công ty thẩm định giá Đồng Nai đã định giá vào thời điểm trước khi xảy ra sự kiện bảo hiểm thì tổng số tiền giá trị là trên 12 tỷ đồng. Như vậy, tôi cho rằng căn cứ vào thẩm định giá của Công ty thẩm định giá Đồng Nai là phù hợp với điều 46 của luật kinh doanh bảo hiểm. Do vậy, tôi đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy kháng cáo của bị đơn thấy rằng tài sản bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm, phía bị đơn cho rằng B1 chỉ cấp bảo hiểm cho máy biến áp 3T, cung cấp bảo hiểm cho tủ điều khiển máy biến áp nên không thuộc phạm vi bảo hiểm. Nhận thấy, theo danh mục tài sản chi tiết thuộc phạm vi bảo hiểm theo danh mục đính kèm hợp đồng bảo hiểm thì các hạng mục được bảo hiểm trong hạng mục máy biến áp 3T bao gồm 26 hạng mục đó là máy biến áp chính dạng tủ cấp trung thế 22kV, tủ điều khiển máy biến áp, biến áp tự dùng và các hạng mục liên quan với tổng tài sản cộng lại là hơn 18 tỷ đồng. Máy biến áp và các tủ máy cắt được tính là một hệ hoàn chỉnh và không thể tách rời theo quy định tại điều 114 BLDS. Từ đó, xem xét trách nhiệm cho toàn bộ hạng mục này. Như vậy theo hợp đồng bảo hiểm mọi rủ ro tài sản số 09163833 ngày 02/12/2016 thì đối tượng bảo hiểm là hệ thống máy biến áp là 63 MVA (3T) bao gồm máy biến áp 3T và các phụ kiện kèm theo được liệt kê theo danh mục đính kèm với hợp đồng bảo hiểm. Theo các điều khoản của hợp đồng được ký kết giữa hai bên và theo kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự thì trách nhiệm bảo hiểm thuộc về B1. Về giá trị tài sản được bảo hiểm, theo quy tắc bảo hiểm ban hành kèm theo quyết định số 3291 ngày 11/12/2010 của B1, theo hợp đồng hai bên đã ký kết, theo kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần thẩm định giá Đồng Nai, theo quy định tại khoản 2 điều 46 luật kinh doanh bảo hiểm. Do vậy, lấy giá trị của hai bên đã ký kết hợp đồng là 18.420.962.096 đồng nhân với 48% trừ đi 50.000.000 đồng khấu trừ theo quy định của hợp đồng là 8.792.061.806 đồng là phù hợp. Từ những phân tích trên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Do đó, đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của Bị đơn được thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, tư cách đương sự đã được cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[2]Về nội dung yêu cầu kháng cáo:

Việc ký kết hợp đồng bảo hiểm CHÁY NỔ ngày 02/12/2016 giữa Công ty B2, là công ty trực thuộc của Tổng Công ty Bảo Hiểm ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam với công ty TNHH I với mức phí bảo hiểm và đối tượng bảo hiểm, địa điểm được bảo hiểm, thời hạn tham gia bảo hiểm, cũng như việc nộp phí bảo hiểm và sự kiện bảo hiểm đã được các đương sự thừa nhận nên không cần phải chứng minh.

Ngày 15/11/2017, Trạm biến áp 110/22KV tại Khu công nghiệp N1, huyện Y1, tỉnh Đồng Nai của Công ty I xảy ra sự cố cháy nổ tại hệ thống máy biến áp 63MVA-1 (3T) và gây hư hỏng hệ thống máy biến áp 3T, là tài sản thuộc đối tượng được bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản (bao gồm cháy, nổ bắt buộc) số 09163833 ngày 02/12/2016 giữa Công ty I và Công ty B2. Sau khi xảy ra sự cố, Công ty I DICOđã thực hiện đầy đủ thủ tục theo qui

định của hợp đồng bảo hiệm để được nhận bảo hiểm. Theo kết luận giám định của Phân viện Khoa học hình sự phía nam, nguyên nhân xảy ra sự kiện là do:"*Sự cố ngắn mạch là nguyên nhân gây ra cháy nổ máy cắt 485, máy cắt 485 bị cháy là nguyên nhân gây ra thiệt hại tiếp theo là hư hỏng máy biến áp 3T. Do đó, tổn thất của máy biến áp 3T là tổn thất xảy ra sau tổn thất hư hỏng máy cắt 485, có nguyên nhân do cháy nổ máy cắt 485 gây ra".*

Khi có kết luận giám định các bên đều đồng ý không khiếu nại. Khi có kết quả định giá cũng chấp nhận nên được xem là đúng. Giá trị tham gia bảo hiểm được nguyên đơn khai báo và đã được bị đơn thẩm tra theo Điều 11 hợp đồng đã ký kết trên cơ sở giá thị trường. Sau khi kiểm tra, thỏa thuận thống nhất mức ký hợp đồng nên giá trị tham gia bảo hiểm có hiệu lực để tính toán bồi thường là đùng quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký kết.

Đối chiếu với điều khoản tại Điều khoản 4B qui định hỏa hoạn gây ra bởi quá tải, áp suất quá mức qui định, đoản mạch, chập mạch, tự tỏa nhiệt hay hở điện với bất kỳ nguyên nhân gì đều được bảo hiểm. Chỉ không bồi thường thiệt hại với thiết bị khác được gắn thêm vào thiết bị được bảo hiểm mà thôi. Tất cả các yêu cầu bảo hiểm cho các thiết bị kèm theo đều là là những thiết bị theo thiết kế ban đầu của máy biến áp, không phải là thiết bị gắn thêm.Do vậy, yêu cầu khởi kiện đòi chi trả bảo hiểm của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ. Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét nội dung kháng cáo của bị đơn.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên Tổng công ty Bảo hiểm B1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm trong vụ án kinh doanh thương mại.

[4] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Không chấp yêu cầu kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty Bảo Hiểm ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam giữ nguyên bản án sơ thẩm số 27/2020/KDTM-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Y3

Áp dụng Điều 274; 275 Bộ luật dân sự năm 2015. Áp dụng các Điều 15, 21, 30, 46, 47 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty I . Buộc Tổng công ty Cổ phần B1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền **8.792.061.806đ (Tám tỷ, bảy trăm chín mươi hai triệu, không trăm sáu mươi mốt nghìn, tám trăm lẻ sáu đồng)** bảo hiểm cháy nổ cho Công ty I .

- Không chấp nhận đối với yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm với số tiền **3.248.438.194đ** (Ba tỷ, hai trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, một trăm chín mươi bốn đồng) của Công ty I .

- Đình chỉ đối với yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm với số tiền **6.380.462.096đ** (Sáu tỷ, ba trăm tám mươi triệu, bốn trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng) của Công ty I .

- Về chi phí tố tụng: Buộc Tổng công ty Cổ phần B1 phải thanh toán số tiền **260.000.000đ** (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) cho Công ty I .

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Công ty I có trách nhiệm trả lại toàn bộ tài sản bị thiệt hại là Máy biến áp 63MVA-1 cùng các phụ kiện, thiết bị kèm theo cho Tổng công ty Cổ phần B1 ngay sau khi đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền bảo hiểm nói trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

4.Về án phí:

+ Tổng công ty Cổ phần B1 chịu án phí KDTM -ST là 116.792.062đ (Một trăm mười s áu triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn , không trăm sáu mươi hai đồng).

+ Công ty I phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 96.968.764đ (Chín mươi sáu triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi bốn đồng), được trừ vào số tiền 63.201.481đ (Sáu mươi ba triệu, hai trăm lẻ một nghìn, bốn trăm tám mươi mốt đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003903 ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y3. Công ty I còn phải nộp số tiền án phí là 33.767.283đ (Ba mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng).

Án phí phúc thẩm:Tổng công ty Cổ phần B1 chịu án phí KDTM phúc thẩm 2.000.000 đồng, trừ vào biên lai thu số 0007073 ngày 21/10/2020.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân TP. Y3;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Y3;
- Chi cục thi hành án TP. Y3;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thành Dương